

D: 24
H: 02

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/08/2025 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 24

Phòng thi: 05-28 Số tờ giấy thi: 24

Trần Duy Việt

NT Bảo Nghi

Trần Thị Thuần

Nguyễn Hà Thanh
Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Hà Thanh Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170539	Kiều Tấn	Nghị	21/02/2004	CCQ2217N	1349		5,5		5,5	5,5	7,7	6,4	
2	2122050015	Trương Đức	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1350		6,9		6,9	6,9	8,4	7,5	
3	2123200282	Trần Thị Thanh	Nguyễn	16/05/2004	CCQ2320C	1351	Nguyễn	5,5	Nguyễn	6,0	5,6	7,9	6,5	
4	2122210148	Phan Tuyết	Nhung	22/08/2004	CCQ2221D	1349	Nhung	4,0	Nhung	4,7	4,4	7,9	5,8	
5	2123170300	Trần Duy	Nhật	30/05/2005	CCQ2317I	1351						0		
6	2122190046	Nguy Thị	Oanh	02/08/2004	CCQ2219B	1349		6,2		7,7	7,0	8,3	7,5	
7	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1350		6,9		6,1	6,5	8	7,1	
8	2122030101	Lê Hoàng	Phúc	01/01/2004	CCQ2203C	1351	phúc	6,3	phúc	7,0	6,7	7,4	7,0	
9	2122030137	Phạm Lê	Quân	08/11/2004	CCQ2203D							0		
10	2123210008	Bùi Thanh	Quý	15/04/2005	CCQ2321A	1351		7,2		7,4	7,3	9,4	8,1	
11	2122170702	Bùi Minh	Sang	28/10/2004	CCQ2217R	1350		5,6		6,8	6,2	7,8	6,8	
12	2122170148	Hoàng Tấn	Tài	11/08/2004	CCQ2217D	1349		4,4		4,3	4,4	7,4	5,6	
13	2122170360	Phạm Ngọc	Thạch	10/04/2004	CCQ2217I	1352	Thạch	3,4	Thạch	7,5	5,5	7,8	6,4	
14	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D	1349		6,7		8,6	7,7	8,7	8,1	
15	2122270028	Nguyễn Chi	Thần	06/02/2004	CCQ2227A	1350		4,5		7,4	6,0	8,2	6,9	
16	2122030040	Trần Đức	Thắng	12/01/2004	CCQ2203B	1351		2,8				4,1	1,6	
17	2122170663	Đoàn	Thống	14/02/2004	CCQ2217Q	1352		4,0		8,2	6,6	7,5	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Trần Quốc Việt

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh

[Signature]
Trần Thị Thanh

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh

[Signature]
Nguyễn Thị Thanh

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: DS-28

Số SV có mặt: ...

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: ...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122170074	Nguyễn Quốc	Thuận	23/05/2004	CCQ2217B	1349	Thuận	3,9			4,1	3,6	1,4	*
19	2122170219	Đỗ Nhật	Tiến	06/10/2004	CCQ2217F	1350	Tiến	5,2	Tiến	2,8	4,1	7,9	5,6	
20	2122170430	Nguyễn Tấn	Toàn	21/01/2004	CCQ2217K	1351	Toàn	6,8	Toàn	6,8	6,8	7	6,9	
21	2122260017	Dương Ngọc Bảo	Trần	22/04/2004	CCQ2226A	1352	Trần	6,8	Trần	7,6	7,2	7,7	7,4	
22	2121120208	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	09/11/2003	CCQ2112F	1349	Trúc	6,1	Trúc	6,0	6,1	7,8	6,8	
23	2123200405	Phạm Thị Thanh	Trúc	16/04/2005	CCQ2320E	1350	Trúc	8,7	Trúc	4,2	6,5	7,7	7,0	
24	2122170671	Trần Đăng Kiến	Trưởng	05/10/2004	CCQ2217Q	1351	Trưởng	6,7	Trưởng	7,2	7,0	7,9	7,4	
25	2121170384	Trịnh Hoài	Tú	04/10/2003	CCQ2117K	1352	Tú	9,5	Tú	5,3	7,4	9,3	8,2	
26	2123170297	Lê Thanh	Tuấn	17/08/2005	CCQ2317I							0		
27	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	1350	Tuấn	4,3	Tuấn	4,8	4,6	6,4	5,3	
28	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A	1351	Việt	7,4	Việt	6,8	7,1	8,5	7,7	
29	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A	1352	Việt	6,5	Việt	7,0	6,8	7,2	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

K
Nguyễn Thiên
Lan
Nguyễn Thị Lan

Trần Thị Thiên
Nguyễn Hà Thanh Vân
Nguyễn Thị Tuấn
Ng. H. T. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122110549	Lê Hoàng	Anh	03/11/2001	CCQ2211M	1349	<i>anh</i>	8,0	<i>anh</i>	7,4	7,7	9,2	8,3	
2	2122110545	Nguyễn Xuân	Bắc	10/12/2003	CCQ2211M	1350	<i>anh</i>	6,0	<i>anh</i>	6,3	6,2	7,6	6,8	
3	2122170540	Nguyễn Đức	Bảo	16/06/2004	CCQ2217N	1351	<i>Bảo</i>	4,1	<i>Bảo</i>	5,1	4,6	7,4	5,7	
4	2122170338	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	10/01/2004	CCQ2227B						/	0	/	
5	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D	1352	<i>thanh</i>	5,9	<i>thanh</i>	7,3	6,6	8,8	7,5	
6	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C	1349	<i>duy</i>	7,1	<i>duy</i>	7,1	7,1	7,2	7,1	
7	2122210090	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/2004	CCQ2221C	1350	<i>thanh</i>	8,7	<i>thanh</i>	7,3	8,0	4,4	6,0	
8	2122270018	Phạm Việt	Đạt	19/09/2004	CCQ2227A	1391	<i>thanh</i>	5,2	<i>thanh</i>	6,0	5,6	8	6,6	
9	2122180100	Lê Trung	Đức	25/07/2004	CCQ2218C						/	0	/	
10	2122030064	Vô Trần	Duy	04/09/2004	CCQ2203B	1352	<i>thanh</i>	4,0	<i>thanh</i>	5,1	4,6	6	5,2	
11	2122170718	Lê Văn	Hà	25/09/2004	CCQ2217R	1351	<i>Hà</i>	5,1	<i>Hà</i>	7,1	6,1	7,6	6,7	
12	2123170551	Vô Hoàng	Hà	22/03/2005	CCQ2317P	1349	<i>Hà</i>	8,5	<i>Hà</i>	7,8	8,2	9	8,5	
13	2122030165	Đinh Văn	Hậu	20/07/2004	CCQ2203E	1350	<i>Hà</i>	6,2	<i>Hà</i>	5,6	5,9	6,8	6,3	
14	2122200002	Nguyễn Khánh	Hiền	04/03/2003	CCQ2227A	1351	<i>Hiền</i>	4,9	<i>Hiền</i>	7,3	6,1	8,3	7,0	
15	2122170618	Vô Văn	Hoàng	24/07/2004	CCQ2217P	1352	<i>thanh</i>	6,6	<i>thanh</i>	7,7	7,2	8,7	7,8	
16	2122170534	Trần Mai Y	Hun	16/02/2004	CCQ2217N	1349	<i>thanh</i>	2,9	<i>thanh</i>	7,2	5,1	8,4	6,4	
17	2122190111	Phạm Thiên	Hương	03/03/2004	CCQ2219D	1350	<i>thanh</i>	5,2	<i>thanh</i>	3,2	4,2	8	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Ng. Tân Thich
Có thể là

Trần Thị Thu

C. Văn
Nguyễn Hà Thanh Vân
Nguyễn Văn Tuấn
Ng. H.T. Văn

Môn học: Anh văn 1 (22400302)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C	1351	<i>Huy</i>	5,4	<i>Huy</i>	7,3	6,4	7,4	6,8	
19	2122170725	Nguyễn Quốc	Huy	01/11/2003	CCQ2217R	1352	<i>Quốc</i>	7,1	<i>Huy</i>	4,3	5,7	8	6,6	
20	2122030089	Phạm Gia	Huy	17/05/2004	CCQ2203C	1349	<i>Huy</i>	4,6			0	4,3	1,7	
21	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	1350	<i>Huy</i>	5,3			0	0	0	
22	2122270044	Nguyễn An	Khang	20/12/2004	CCQ2227B	1350	<i>Khang</i>	4,2	<i>Khang</i>	7,4	5,8	7,9	6,6	
23	2122170518	Phan Minh	Khoa	01/03/2003	CCQ2217M	1349	<i>Khoa</i>	3,8	<i>Khoa</i>	6,0	4,9	7,3	5,9	
24	2122180060	Trần Quốc	Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B						/	0	/	
25	2123200238	Võ Thị Mỹ	Lệ	04/01/2005	CCQ2320C	1350	<i>Lệ</i>	7,3	<i>Lệ</i>	8,7	8,0	9,4	8,6	
26	2122170184	Lê Vũ	Long	16/12/2004	CCQ2217E	1349	<i>Long</i>	5,4	<i>Long</i>	7,3	6,4	8	7,0	
27	2122170677	Trần Minh	Lượng	29/04/2004	CCQ2217Q	1352	<i>Lượng</i>	6,1	<i>Lượng</i>	7,5	6,8	8	7,3	
28	2122170177	Nguyễn Minh	Mẫn	11/06/2004	CCQ2217E	1351	<i>Mẫn</i>	5,4	<i>Mẫn</i>	3,5	4,5	9	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Đ: 23
H: 00

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200433	Lê Thị Ngọc	Anh	09/12/2005	CCQ2320E	1352	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	7,5	6,7	5,6	6,3	
2	2123110460	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	20/05/2005	CCQ2311E	1349	<i>[Signature]</i>	7,0	<i>[Signature]</i>	5,4	6,2	6,2	6,2	
3	2123200167	Nguyễn Quốc	Bảo	03/05/2005	CCQ2320B	1350	<i>[Signature]</i>	4,7	<i>[Signature]</i>	6,3	5,5	7,1	6,1	
4	2123030080	Nguyễn Thái	Bình	31/03/2005	CCQ2303C	1351	<i>[Signature]</i>	3,9	<i>[Signature]</i>	3,1	3,5	7,4	5,1	
5	2121170249	Nguyễn Thành	Đạt	09/03/2003	CCQ2117H	1352	<i>[Signature]</i>	6,0	<i>[Signature]</i>	5,2	5,9	6,1	6,0	
6	2122110184	Nguyễn Trần Tiến	Dũng	03/10/2004	CCQ2222A	1349	<i>[Signature]</i>	6,1	<i>[Signature]</i>	6,4	6,3	5,8	6,1	
7	2123200280	Nguyễn Thành	Giang	23/09/2004	CCQ2320C	1350	<i>[Signature]</i>	7,3	<i>[Signature]</i>	6,6	7,0	7,1	7,0	
8	2123110479	Hoàng Xuân	Hải	09/10/2003	CCQ2311M	1351	<i>[Signature]</i>	5,9	<i>[Signature]</i>	7,2	6,6	8,5	7,4	
9	2123030227	Đặng Đình	Hiếu	10/08/2005	CCQ2303A	1352	<i>[Signature]</i>	9,3	<i>[Signature]</i>	9,4	9,4	9,3	9,4	
10	2122110267	Đa Hồng	Hiệu	14/08/2004	CCQ2211G	1349	<i>[Signature]</i>	5,2	<i>[Signature]</i>	7,0	6,1	6,4	6,2	
11	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	CCQ2321B	1350	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	7,6	6,0	7,1	6,4	
12	2123170595	Nguyễn Quốc	Khánh	03/05/2005	CCQ2317Q	1351	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	4,7	4,6	7,7	5,8	
13	2123030152	Nguyễn Minh	Khiêm	18/05/2005	CCQ2303E	1352	<i>[Signature]</i>	7,3	<i>[Signature]</i>	7,6	7,5	8,6	7,9	
14	2122110304	Văn Bá	Liêm	07/11/2004	CCQ2211H	1349	<i>[Signature]</i>	7,2	<i>[Signature]</i>	3,2	5,2	6,3	5,6	
15	2123210180	Tô Ngọc	Lộc	07/03/2005	CCQ2321C	1352	<i>[Signature]</i>	6,4	<i>[Signature]</i>	5,8	6,1	7,1	6,5	
16	2122030164	Nguyễn Thành	Luân	04/11/2004	CCQ2203E	1351	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	3,1	4,2	6,4	5,1	
17	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	1350	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>[Signature]</i>	8,1	7,4	7,5	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

3

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123120535	Lê Thị Trúc	Mai	03/12/2005	CCQ2312I	1349	Trúc	8,1	Trúc	7,3	7,7	7,8	7,7	
19	2123200348	Phạm Thị Kim	Mến	02/09/2005	CCQ2320D	1352	Kim	5,2	Kim	7,0	6,1	8,4	7,0	
20	2123110388	Nguyễn Võ Duy	Nam	01/01/2005	CCQ2311K	1351	Duy	5,6	Duy	5,8	5,7	7,3	6,3	
21	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	1350	Nhuận	5,4	Nhuận	9,0	7,2	8,7	7,8	
22	2123040038	Lương Văn	Phú	25/04/2005	CCQ2304B						Cấm thi	1,4		
23	2123030199	Nguyễn Thanh	Phúc	15/12/2005	CCQ2303A	1349	Thanh	6,5	Thanh	5,8	6,2	5,1	5,8	
24	2123030161	Huỳnh Mạnh	Quân	09/12/2005	CCQ2303E	1350	Mạnh	4,0	Quân	4,2	4,1	6,7	5,1	
25	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	CCQ2206B						Cấm thi	0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

D: 18
H: 04

Nguyễn Văn Thanh
Hoàng Phi, Thanh

Nguyễn Hà Thanh
Trần Thị Thảo
C. Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	1350	Đông	3,7	Đông	2,6	3,2	7,7	5,0	
2	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1351	Hùng	4,9	Có thi	4,1	4,5	5,8	5,0	
3	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B	1350	Dương	3,9	Dương	5,6	4,8	8	6,1	
4	2122030046	Nguyễn Trường	Giang	02/03/2004	CCQ2203B	1351	Giang	5,2	Giang	8,3	6,8	9	7,7	
5	2122170466	Dương Trung	Hải	09/07/2004	CCQ2217L	1350	Hải	5,3	Hải	7,1	6,2	6,5	6,3	
6	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1351	Hải	3,4	Hải	4,0	3,7	5	4,2	
7	2122120589	Đào Nhật	Hào	03/01/2004	CCQ2212P	1349	Hào	4,3	Hào	5,6	5,0	6,2	5,5	
8	2122030050	Nguyễn Trung	Hào	02/10/2004	CCQ2203B	1352	Hào	2,7	Hào	4,2	3,5	6,3	4,6	
9	2122030103	Nguyễn Quốc	Hiệp	01/01/2004	CCQ2203C	1349	Hiệp	5,6	Hiệp	8,2	6,9	6,9	6,9	
10	2122170609	Phạm Minh	Hiếu	18/05/2004	CCQ2217P	1352	Hiếu	7,2	Hiếu	8,7	8,0	8,8	8,3	
11	2122170682	Đặng Ngọc	Hiếu	25/05/2004	CCQ2217Q	1349	Hiếu	4,4	Hiếu	2,0	3,2	3,9	3,5	
12	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	CCQ2214B	1352	Hòa	5,1	Hòa	7,7	6,4	8,3	7,2	
13	2122030066	Nguyễn Công	Hoàng	05/10/2004	CCQ2203B	1352	Hoàng	4,1	Hoàng	4,4	4,3	7,3	5,5	
14	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	1349	Hùng	5,8	Hùng	5,4	5,6	6,6	6,0	
15	2122170113	Chau Minh	Huy	26/08/2004	CCQ2217C	1352	Huy	4,4	Huy	6,1	5,3	6,7	5,9	
16	2122170343	Nguyễn Đăng	Khoa	05/01/2004	CCQ2211J							0		
17	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B							0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Hà Thanh Vân
Hoàng Thị Thanh

Nguyễn Hà Thanh Vân

Trần Thị Thảo

C. Thảo

Nguyễn Hà Thanh Vân

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: *22*

Số bài thi: *23*

Số tờ giấy thi: *22*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *23/8/2025*

Giờ thi: *12h30*

Phòng thi: *D5-29*

Số SV có mặt: *21*

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122040036	Trần Quốc	Lâm	03/01/2003	CCQ2204B	<i>1349</i>	<i>2aim</i>	<i>5,6</i>	<i>Cáthi</i>	<i>7,0</i>	<i>6,3</i>	<i>4,6</i>	<i>5,6</i>	
19	2122210181	Võ Thị	Lan	23/02/2004	CCQ2221C	<i>1351</i>	<i>lu</i>	<i>8,2</i>	<i>lu</i>	<i>8,3</i>	<i>8,3</i>	<i>7,3</i>	<i>7,9</i>	
20	2122120504	Nguyễn Ngọc Thuý	Linh	27/09/2004	CCQ2212K	<i>1350</i>	<i>linh</i>	<i>5,9</i>	<i>Linh</i>	<i>3,6</i>	<i>4,8</i>	<i>6,2</i>	<i>5,4</i>	
21	2122100199	Nguyễn Thục Vân	Long	09/11/2004	CCQ2210F							<i>0</i>		
22	2122130076	Hồ Bửu	Lưu	19/07/2004	CCQ2213C	<i>1350</i>	<i>luu</i>	<i>4,3</i>	<i>luu</i>	<i>6,4</i>	<i>5,4</i>	<i>7,6</i>	<i>6,3</i>	
23	2122210079	Trần Thị Thanh	Mai	09/11/2004	CCQ2221C	<i>1351</i>	<i>Mai</i>	<i>5,3</i>	<i>mai</i>	<i>5,9</i>	<i>5,6</i>	<i>8,1</i>	<i>6,6</i>	
24	2123170197	Ngô Đăng	Mạnh	26/11/2005	CCQ2317F	<i>1350</i>	<i>Mạnh</i>	<i>4,8</i>			<i>0,0</i>	<i>4</i>	<i>1,6</i>	
25	2122200063	Huỳnh Thị Quỳnh	Nga	22/12/2004	CCQ2220B	<i>1351</i>	<i>nga</i>	<i>7,1</i>	<i>nga</i>	<i>7,6</i>	<i>7,4</i>	<i>6,9</i>	<i>7,2</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2024-2025)

C. Thảo
⑤

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Xuân Vũ
Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Ngọc Thảo
GV chấm thi 1 Môn Viết: Nguyễn Hà Thanh Vân
GV chấm thi 2 Môn Viết: Trần Thị Thuần
GV chấm thi 1 Môn Văn đáp: Trần Thị Thuần
GV chấm thi 2 Môn Văn đáp: Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122210182	Nguyễn Xuân	Nghi	04/02/2004	CCQ2221C	1350	hqlu	8,2	hqlu	8,6	8,4	9,1	8,7	
2	2122030057	Lưu Chi	Nghĩa	13/09/2004	CCQ2203B	1349	lylra	4,3	lylra	2,0	3,2	6,1	4,4	
3	2122110494	Lưu Gia	Phát	26/11/2004	CCQ2211D	1352	g	8,5	Phát	7,5	8,0	9,5	8,6	
4	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A	1351	Phat	5,7	Phat	4,5	5,1	8,6	6,5	
5	2122170138	Phan Thành	Phước	12/12/2004	CCQ2217D	1350	Phuoc	7,2	Phuoc	5,0	6,1	7	6,5	
6	2122100405	Nguyễn Trần Hoài	Phương	05/08/2004	CCQ2210K	1349	Phan	9,1	Phan	8,9	9,0	9,2	9,1	
7	2122140041	Phan Văn	Phương	03/12/2004	CCQ2214B	v	v		Phuoc	7,2	0,0	8,3	3,3	
8	2122050049	Dặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B	1352	Quân	5,8	Quân	7,0	6,4	7,9	7,0	
9	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B	1349	Qu	4,1	Qu	3,1	3,6	6,3	4,7	
10	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C	1350	Quân	8,4	Quân	6,5	7,5	5,2	6,6	
11	2122120501	Võ Thị Thu	Quyên	13/02/2004	CCQ2212I	1351	Quyên	7,2	Quyên	7,1	7,2	5,6	6,6	
12	2122170381	Châu Khánh	Tân	19/04/2004	CCQ2217F	v	v					0		
13	2122030102	Nguyễn Quốc	Thắng	19/04/2004	CCQ2203G	1350	Thong	5,8	Thang	5,3	5,6	6,9	6,1	
14	2122170703	Trần Hoài	Thanh	25/01/2003	CCQ2217R	1349	Thanh	5,8	Thanh	1,6	3,7	3,8	3,7	
15	2122100112	Nguyễn Công	Thành	10/01/2004	CCQ2210D	1352	Thanh	5,2	Thanh	6,9	6,1	5,1	5,7	
16	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	1351	Thanh	3,5	Thanh	6,5	5,0	7,9	6,2	
17	2122200073	Đoàn Ngọc Minh	Thiên	22/05/2004	CCQ2220C	1350	Thanh	6,6	Thanh	6,0	6,3	6,7	6,5	

24/08/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400304)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-29

Khu
Nguyen
Khanh Van

Pho Ha My Linh

Tran Thi Thao

Tran Thi Thao

Cai Tran Thao

Pho Ha My Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122200061	Lê Thị Minh	Thư	06/09/2004	CCQ2220B	1349	<i>Thư</i>	4,9	<i>Thư</i>	4,9	4,9	8,3	6,3	
19	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B	1350	<i>Phạm Đình</i>	5,2	<i>Phạm Đình</i>	7,1	6,2	6,5	6,3	
20	2122140003	Huỳnh Văn	Trung	12/04/2004	CCQ2214A	1352	<i>Huỳnh Văn</i>	5,2	<i>Huỳnh Văn</i>	7,1	6,2	6,5	6,3	
21	2122170654	Lê Duy	Trung	15/06/2004	CCQ2217Q	1349	<i>Lê Duy</i>	5,2	<i>Lê Duy</i>	7,1	6,2	6,5	6,3	
22	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	1350	<i>Huỳnh Văn</i>	5,2	<i>Huỳnh Văn</i>	7,1	6,2	6,5	6,3	
23	2122030076	Huỳnh Trung	Vương	04/07/2004	CCQ2203G	1351	<i>Huỳnh Trung</i>	5,8	<i>Huỳnh Trung</i>	7,2	6,5	8	7,1	
24	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B	1352	<i>Lê Hùng</i>	5,7	<i>Lê Hùng</i>	7,0	6,4	9,2	7,5	
25	2121120251	Nguyễn Song Hoài	Vỹ	01/11/2003	CCQ2112H	1351	<i>Nguyễn Song Hoài</i>	5,7	<i>Nguyễn Song Hoài</i>	7,0	6,4	9,2	7,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

A: 19
+1:00

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1350	Quang	6,0	Quang	5,0	5,5	5,4	5,5	
2	2123170341	Nguyễn Duy	Quang	29/07/2005	CCQ2317J						Cấm thi	0		
3	2123210153	Trần Công	Quang	10/10/2005	CCQ2321E	1350	Quang	4,5	Quang	6,3	5,4	7,1	6,1	
4	2123030176	Lê Công	Quyên	14/08/2005	CCQ2303E	1351	Quyên	5,1	Quyên	8,3	6,7	7,6	7,1	
5	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	CCQ2206B	1350	Sáng	4,5	Sáng	6,8	5,7	6,9	6,2	
6	2122050130	Đương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D						Cấm thi	0		
7	2123300107	Huỳnh Da	Thiên	10/03/2004	CCQ2330C	1349	Thiên	6,5	Thiên	6,5	6,5	7,5	6,9	
8	2123170165	Nguyễn Công	Thịnh	27/09/2005	CCQ2317E	1352	Thịnh	5,9	Thịnh	7,8	6,9	8,6	7,6	
9	2123300076	Nguyễn Thị Anh	Thơ	15/07/2005	CCQ2330C	1349	Thơ	5,8	Thơ	8,7	7,3	8,6	7,8	
10	2123040013	Nguyễn Văn	Thông	10/09/2005	CCQ2304A							4		
11	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C						Cấm thi	0		
12	2122120410	Lê Thị	Thúy	16/03/2004	CCQ2212L	1352	Thúy	8,3	Thúy	6,2	7,3	5,4	6,5	
13	2123040020	Nguyễn Tiến	Toàn	06/06/2005	CCQ2304A	1349	Toàn	4,8	Toàn	5,0	4,9	6	5,3	
14	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	CCQ2321A	1351	Trang	7,4	Trang	7,8	7,6	7,3	7,5	
15	2123200221	Trần Thị Thu	Trang	02/04/2004	CCQ2320C	1350	Trang	5,6	Trang	6,0	5,8	8,3	6,8	
16	2123050042	Nguyễn Văn	Tri	24/08/2005	CCQ2305A						Cấm thi	0		
17	2123030017	Nguyễn Trọng	Trương	17/05/2004	CCQ2303A	1352	Trương	4,5	Trương	5,0	4,8	6,2	5,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122170056	Nguyễn Tấn	Tuấn	07/09/2004	CCQ2217B						Cấm thi	0		
19	2123110411	Nguyễn Xuân	Tường	25/10/2005	CCQ2311K	1351		4,3		3,5	3,9	6,7	5,0	
20	2123180092	Phạm Trung	Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C	1352		5,3		5,4	5,4	6,4	5,8	
21	2123030255	Lê Quốc	Việt	14/04/2004	CCQ2303B	1349		5,9		6,1	6,0	7,5	6,6	
22	2123170020	Nguyễn Hoài	Việt	17/05/2005	CCQ2317A	1352		5,3		6,6	6,0	4,6	5,4	
23	2122170147	Lê Quang	Vinh	29/02/2004	CCQ2217D	1349		8,8		8,4	8,6	9,2	8,8	
24	2123030003	Mai Quốc	Vinh	23/12/2005	CCQ2303A	1351		5,8		5,8	5,8	7,5	6,5	
25	2123200324	Nguyễn Ngọc Thủy	Vy	25/11/2005	CCQ2320D	1350		3,9		5,0	4,5	6,8	5,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Đ: 38
H: 04

Cán bộ coi thi 1

Ngô Phương

Cán bộ coi thi 2

Châu Thị Thu

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Đặng Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Phan T. Ph

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Le Thanh

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

- Thi Văn đáp:

Số SV có mặt: 42 Ngày thi: 27/8/2025 Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 42 Giờ thi: 12h30 Số bài thi:

Số tờ giấy thi: 42 Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120321	Nguyễn Hoài	An	06/09/2005	CCQ2312E	1349	An	5,2	An	7,0	6,1	9	7,3	
2	2123180057	Đặng Quốc	Bảo	16/06/2005	CCQ2318B	1350	Bảo	8,7	Bảo	2,0	5,4	7,7	6,3	
3	2123200562	Lê Thị Kiều	Châu	12/09/2005	CCQ2320F	1351	Châu	6,6	Châu	5,3	6,0	8,9	7,2	
4	2122200151	Nguyễn Tấn	Đạt	21/01/2004	CCQ2220E	1352	Đạt	3,8	Đạt	3,5	3,7	9,2	5,9	
5	2123110210	Trần Văn	Đoàn	09/02/2005	CCQ2311F	1349	Đoàn	4,1	Đoàn	6,5	5,3	6,5	5,8	
6	2122120379	Đinh Thị Thủy	Dung	19/01/2004	CCQ2212L	1350	Dung	7,2	Dung	8,2	7,7	7,6	7,7	
7	2123120326	Phạm Anh	Dũng	13/03/2005	CCQ2312E	1351	Phạm Anh	7,2	Phạm Anh	3,2	5,2	6,8	5,8	
8	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	CCQ2318B	1351	Huỳnh Thái	3,4	Huỳnh Thái	3,3	3,4	5,2	4,1	
9	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	CCQ2321A	1352	Nguyễn Quốc	6,9	Nguyễn Quốc	6,0	6,5	7,1	6,7	
10	2123120573	Nguyễn Quốc	Duy	24/06/2005	CCQ2312J	1352	Nguyễn Quốc	7,0	Nguyễn Quốc	6,4	6,7	5,4	6,2	
11	2123170031	Huỳnh Văn	Hải	08/07/2005	CCQ2317A	1351	Hải	8,1	Hải	6,4	7,3	4,5	6,2	
12	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	13/11/2005	CCQ2321B	1350	Hân	6,1	Hân	3,7	4,9	7,9	6,9	
13	2123200452	Diêu Thị Ngọc	Hân	03/03/2003	CCQ2320E	1349	Diêu Thị Ngọc	8,5	Diêu Thị Ngọc	6,0	7,3	7,7	7,5	
14	2123100134	Phan Thị Mỹ	Hằng	07/12/2005	CCQ2310D	1352	Phan Thị Mỹ	6,9	Phan Thị Mỹ	4,3	5,6	7,1	6,2	
15	2123100093	Trần Ngọc	Hằng	15/08/2003	CCQ2310C	1349	Trần Ngọc	8,0	Trần Ngọc	7,2	7,6	9,5	8,4	
16	2123110125	Lê Thanh	Hồ	30/07/2005	CCQ2311D	1350	Lê Thanh	7,4	Lê Thanh	7,2	7,3	6,9	7,1	
17	2123170559	Cao Khả	Hoàn	25/07/2005	CCQ2317P	1351	Hoàn	6,4	Hoàn	1,8	4,1	7,1	5,3	

24/08/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Ngô Phước

Cán bộ coi thi 2

Châu Thị Thu Ngân

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Đặng Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Phan T. M

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Lê Thị

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 12h30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123170564	Nguyễn Ngọc	Hùng	23/11/2004	CCQ2317P	1352	<i>Hùng</i>	9,6	<i>Hùng</i>	1,8	5,7	9	7,1	
19	2123170035	Nguyễn	Huy	15/02/2005	CCQ2317A							2,9	4,2	
20	2123030087	Trần Quốc	Huy	21/09/2005	CCQ2303C							1,2		
21	2123120226	Trần Đình Khánh	Huyền	28/06/2005	CCQ2312E	1351	<i>Huyền</i>	6,1	<i>Huyền</i>	3,0	4,6	8,7	6,2	
22	2123120552	Nguyễn Trọng	Khoa	11/10/2004	CCQ2312D	1351	<i>Chovan</i>	6,2	<i>Chovan</i>	2,0	4,1	5,5	4,7	
23	2123200702	Lưu Ngọc	Khuê	08/11/2005	CCQ2320G	1352	<i>Khuê</i>	2,5			4,3	5,5	3,0	
24	2123110087	Nguyễn Đức	La	17/07/2005	CCQ2311C	1352	<i>La</i>	5,9	<i>La</i>	5,6	5,8	5,6	5,7	
25	2123120420	Châu Tuyền	Linh	30/06/2005	CCQ2312H	1351	<i>Linh</i>	5,6	<i>Linh</i>	4,3	5,0	6,4	5,6	
26	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	22/10/2004	CCQ2221C							0		
27	2123200647	Trần Thanh Trúc	Ly	02/02/2005	CCQ2320G	1349	<i>Ly</i>	5,4	<i>Ly</i>	5,1	5,3	4,7	5,1	
28	2123170281	Dư Hùng	Mạnh	18/03/2005	CCQ2317I							0		
29	2123120547	Trần Minh	Nhật	05/01/2005	CCQ2312I	1351	<i>Nhật</i>	6,8	<i>Nhật</i>	6,4	6,6	9,1	7,6	
30	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	1349	<i>Phong</i>	6,0	<i>Phong</i>	4,8	5,4	7,4	6,2	
31	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	1349	<i>Quân</i>	6,7	<i>Quân</i>	4,7	5,7	7,6	6,5	
32	2122170385	Búi Công	Sắc	19/11/2003	CCQ2217J	1350	<i>Sắc</i>	6,0	<i>Sắc</i>	4,5	5,3	9,4	6,9	
33	2123260002	Nguyễn Hoàn	Son	16/10/2003	CCQ2310A	1351	<i>Son</i>	9,6	<i>Son</i>	6,1	7,9	10	8,7	
34	2123210005	Vũ Ngọc	Son	29/09/2000	CCQ2321A	1352	<i>SON</i>	7,1	<i>SON</i>	6,5	6,8	7,9	7,2	

24/08/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Nguyễn Hoàng Châu Thị Thu Ngân

Đặng Minh Xuân Phạm Văn Mạnh

Phạm Văn Mạnh

LeTTThao

Môn học: Anh văn 1 (22400303)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025 Số SV có mặt: 40

Giờ thi: 12h30 Số bài thi: 40

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
35	2123120566	Nguyễn Văn	Thống	16/10/2005	CCQ2312J	1352		8,0		6,4	7,2	8,8	7,8	
36	2123180058	Nguyễn Thái Bảo	Tinh	26/08/2005	CCQ2318B	1351		5,0		4,6	4,8	7,7	6,0	
37	2123120364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/03/2005	CCQ2312G	1350		8,2		4,3	6,3	6,4	6,3	
38	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	CCQ2303C							1,2		
39	2123170070	Bùi Văn	Tú	18/01/2004	CCQ2317B	1352		8,0		5,1	6,6	4,4	5,7	
40	2123180048	Nguyễn Minh	Tường	20/06/2005	CCQ2318B	1351		9,1		3,2	6,2	5,9	6,1	
41	2123120531	Phạm Thị Ánh	Tuyết	27/09/2005	CCQ2312I	1350		4,8		4,3	4,6	6,5	5,4	
42	2122140039	Nguyễn Hữu	Tỷ	18/05/2004	CCQ2214B	1349		3,6		3,7	3,7	7,1	5,1	
43	2123120392	Trần Anh	Vân	02/09/2005	CCQ2312G	1350		8,5		5,2	6,9	5,7	6,4	
44	2123180060	Trương Quốc	Việt	12/10/2004	CCQ2318B	1349		7,4		2,0	4,7	5,6	5,1	
45	2123180047	Đặng Quang	Vinh	28/11/2005	CCQ2318B	1350		7,3		8,5	7,9	7,3	7,7	
46	2123170131	Hồ Văn	Vinh	03/03/2005	CCQ2317D	1352		5,7		4,4	5,1	7,7	6,1	
47	2123180076	Phan Trọng	Vinh	16/11/2005	CCQ2318B	1350		5,6			2,8	4,2	3,4	
48	2123180042	Nguyễn Xuân	Vũ	26/12/2005	CCQ2318B							4,7		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Đạt: 22
không đạt: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025 Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

Hoàng Đại Thành

Phan Chí Cường

Nguyễn T. Kiên

Có Minh Thuận

Nguyễn Thị Lê

C. Hồng

8

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124040042	Nguyễn Văn	An	10/03/2005	CCQ2404B	684	<i>An</i>	7.0	<i>An</i>	5.5	6.3	6.4	6.3	
2	2124190109	Đoàn Phương	Anh	09/08/2006	CCQ2419C	596	<i>Phuong</i>	7.4	<i>Phuong</i>	5.7	6.6	8.2	7.2	
3	2124040110	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	16/04/2006	CCQ2404A							5		
4	2124140067	Nguyễn Phan Việt	Chiến	02/05/2005	CCQ2414B						Cấm thi	0	0.0	
5	2124170275	Nguyễn Quốc	Đạt	22/05/2006	CCQ2417H	920	<i>Quoc</i>	7.0	<i>Quoc</i>	1.0	4.0	6.7	5.1	
6	2124170216	Nguyễn Đại	Dương	20/08/2006	CCQ2417F	684	<i>Duong</i>	7.5	<i>Duong</i>	4.8	6.2	6	6.1	
7	2124210118	Đào Thị Ngọc	Giang	26/08/2006	CCQ2421D	716	<i>Ngoc</i>	8.5	<i>Ngoc</i>	5.7	7.1	7.4	7.2	
8	2124310018	Võ Thành	Huân	15/02/2006	CCQ2431A				<i>Thanh</i>	0.0	0.0	6.3	2.5	
9	2124190060	Lê Thị Mỹ	Linh	29/12/2005	CCQ2419B	684	<i>My</i>	7.5	<i>My</i>	5.7	6.6	7.6	7.0	
10	2124260022	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	24/06/2006	CCQ2426A	596	<i>Loan</i>	7.7	<i>Loan</i>	0.0	3.9	6.7	5.0	
11	2124150038	Trần Anh	Lục	24/11/2003	CCQ2415B						Cấm thi	0	0.0	
12	2124310083	Bùi Đức	Lương	02/10/2005	CCQ2431C	716	<i>Luc</i>	7.0	<i>Luc</i>	2.3	4.7	6.3	5.3	
13	2124270024	Trần Thị Thúy	Nga	09/01/2004	CCQ2427A	820	<i>Thuy</i>	7.4	<i>Nga</i>	2.5	5.0	6.3	5.5	
14	2124170058	Hoàng Văn	Nguyễn	18/10/2006	CCQ2417B						Cấm thi	0	0.0	
15	2124190019	Trần Yến	Nhi	15/01/2006	CCQ2419A	596	<i>Nhi</i>	7.4	<i>Nhi</i>	6.8	7.1	8.3	7.6	
16	2124100110	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	13/07/2006	CCQ2410D						Cấm thi	0	0.0	
17	2124270047	Lâm Thành	Phát	28/04/2005	CCQ2427B	684	<i>Phat</i>	7.7	<i>Phat</i>	6.9	7.3	8.5	7.8	
18	2124110338	Nguyễn Minh	Phụng	19/06/2004	CCQ2411H						Cấm thi	0	0.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 27/8/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
19	2124030040	Mai Văn	Phước	09/01/2006	CCQ2403B	716	<i>[Signature]</i>	5.8	<i>[Signature]</i>	7.8	6.8	8.4	7.4	
20	2124120077	Đỗ Thị Mỹ	Phương	27/11/2006	CCQ2412C	820	<i>[Signature]</i>	7.5	<i>[Signature]</i>	2.0	4.8	8	6.1	
21	2124330097	Thái Trường	Son	02/11/2006	CCQ2433B						Cấm thi	0	0.0	
22	2124260092	Dương Thị Mỹ	Tâm	28/10/2006	CCQ2426C	596	<i>[Signature]</i>	6.0	<i>[Signature]</i>	2.5	4.3	7.5	5.6	
23	2124120065	Lê Huỳnh Thanh	Tấn	27/01/2006	CCQ2412B						Cấm thi	0	0.0	
24	2124260009	Nguyễn Minh	Tấn	04/04/2005	CCQ2426A	684	<i>[Signature]</i>	6.8	<i>[Signature]</i>	3.4	5.1	5.6	5.3	
25	2124040023	Lê Đức	Thơ	11/07/2005	CCQ2404A							1.2		
26	2124120090	Tô Thị Hoài	Thương	03/04/2006	CCQ2412C	716	<i>[Signature]</i>	6.5	<i>[Signature]</i>	4.0	5.3	8.4	6.5	
27	2124260088	Nguyễn Quyền	Trần	12/06/2006	CCQ2426C	820	<i>[Signature]</i>	7.0	<i>[Signature]</i>	2.2	4.6	6.9	5.5	
28	2124070022	Lê Huyền	Trang	04/04/2006	CCQ2407A	596	<i>[Signature]</i>	6.5	<i>[Signature]</i>	6.9	6.7	8.6	7.5	
29	2124180025	Nguyễn Ngọc	Tuy	30/09/2006	CCQ2418A	684	<i>[Signature]</i>	6.5	<i>[Signature]</i>	6.4	6.5	7	6.7	
30	2124270004	Ngô Ngọc Phương	Uyên	13/02/2006	CCQ2427A	684	<i>[Signature]</i>	7.2	<i>[Signature]</i>	1.5	4.4	6.3	5.2	
31	2124330083	Huỳnh Văn	Vinh	08/03/2006	CCQ2433C						Cấm thi	0	0.0	
32	2124270063	Đặng Tuấn	Vũ	16/01/2006	CCQ2427B	716	<i>[Signature]</i>	9.6	<i>[Signature]</i>	6.1	7.9	9.1	8.4	
33	2124260013	Phan Thanh	Vỹ	08/06/2006	CCQ2426A	820	<i>[Signature]</i>	4.8	<i>[Signature]</i>	0.0	2.4	6	3.8	
34	2124310074	Huỳnh Kim	Xuyến	29/03/2006	CCQ2431C						Cấm thi	0.8	0.0	
35	2124130077	Hồ Thị Như	Ý	18/07/2006	CCQ2413A	820	<i>[Signature]</i>	6.3	<i>[Signature]</i>	1.2	3.8	7	5.1	
36	2124110335	Vô Phi	Yến	02/08/2006	CCQ2411I						Cấm thi	0	0.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/8/2025

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122270045	Trịnh Thị Kim	Ánh	20/07/2004	CCQ2227B						0		
2	2122110429	Nguyễn Thành	Công	02/01/2004	CCQ2211LA	1339	3,9		5,5	4,7	8,3	6,1	
3	2121180018	Trần Qui	Đài	09/10/2003	CCQ2118A	1338	4,7		8,0	6,4	8	7,0	
4	2123030007	Bùi Cao Nguyên	Dũ	11/11/2004	CCQ2303A	1337	3,5		0,0	4,8	7	3,9	
5	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1336	3,0			0,0	3,9	1,6	
6	2123260104	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	CCQ2326C	1339	4,4		7,4	5,9	7,5	6,5	
7	2123110425	Phạm Huỳnh Minh	Hiếu	10/07/2005	CCQ2311L						0		
8	2122120375	Hà Trần Quốc	Huy	02/09/2004	CCQ2212K						0		
9	2122170324	Trần Đình	Khương	09/03/2004	CCQ2217I						4,4	1,8	
10	2122170547	Vô Thành	Kiệt	16/05/2004	CCQ2217N						3,2	1,3	
11	2123110087	Nguyễn Đức	La	17/07/2005	CCQ2311C	1338	5,6		5,0	5,3	8,3	6,5	
12	2122270059	Đào Thị Thùy	Linh	22/07/2004	CCQ2227B	1336	5,8		5,6	5,7	6,7	6,1	
13	2123120692	Nguyễn Thanh	Lộc	10/04/2003	CCQ2312L	1337	7,7		7,4	7,6	7,6	7,6	
14	2123030005	Trần Khải	Long	07/04/2005	CCQ2303A	1339	4,5		6,7	5,6	6	5,8	
15	2123030026	Trần Ngọc	Lực	30/11/2004	CCQ2303A	1338	5,8		7,5	6,7	7,6	7,1	
16	2123300009	Trần Thị Thảo	Như	29/07/2005	CCQ2330A	1337	5,7		8,1	6,9	7,8	7,3	
17	2123030254	Huỳnh Đỗ Gia	Phát	13/08/2005	CCQ2303G	1336	5,5		8,0	6,8	8,1	7,3	
18	2123180056	Trần Ngọc	Phong	08/08/2005	CCQ2318B	1339	6,3		8,1	7,2	8,7	7,8	
19	2123030024	Châu Đăng	Phú	02/08/2005	CCQ2303A	1338	3,7		6,0	4,9	5,8	5,3	

22/08/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/8/2025 Số SV có mặt: 26

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Handwritten signature: H.M. Hùng

Handwritten signature: L.M. N

Handwritten signature: Phan Chi Thu

Handwritten signature: Phan Thi Thieu

Handwritten signature: Ng. H. T. Van

Handwritten signature: Phan Thi Thieu

Handwritten note: C. Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1337	<i>Handwritten signature</i>	6.0	<i>Handwritten signature</i>	5.2	5.6	5.4	5.5	
21	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	1337	<i>Handwritten signature</i>	7.6	<i>Handwritten signature</i>	4.1	5.9	8.3	6.9	
22	2122140040	Trần Văn	Quốc	01/02/2002	CCQ2214B	1339	<i>Handwritten signature</i>	7.6	<i>Handwritten signature</i>	5.8	6.7	6.9	6.8	
23	2123130063	Lê Nguyễn Nhật	Quyên	22/11/2005	CCQ2313B	1338	<i>Handwritten signature</i>	5.8	<i>Handwritten signature</i>	8.1	7.0	7.6	7.2	
24	2122260136	Mai Thị Thảo	Quyên	24/08/2003	CCQ2226D	1337	<i>Handwritten signature</i>	8.0	<i>Handwritten signature</i>	7.7	7.9	8.8	8.3	
25	2123130051	Nguyễn Thị Thủy	Quỳnh	19/11/2005	CCQ2313B	1336	<i>Handwritten signature</i>	5.5	<i>Handwritten signature</i>	6.8	6.2	8.5	7.1	
26	2123200067	Trần Diệp	Sa	14/11/2005	CCQ2320A	1339	<i>Handwritten signature</i>	5.5			00	4.3	1.7	
27	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	CCQ2206B	1338	<i>Handwritten signature</i>	6.7	<i>Handwritten signature</i>	2.6	4.7	5.8	5.1	
28	2123260109	Nguyễn Đức	Tài	20/10/2005	CCQ2326D							0		
29	2123030033	Phan Nguyễn Quan	Tâm	29/12/2004	CCQ2303A	1336	<i>Handwritten signature</i>	3.7	<i>Handwritten signature</i>	0.7	2.2	6.4	3.9	
30	2123130039	Phạm Thị Bích	Thảo	20/11/2004	CCQ2313B	1339	<i>Handwritten signature</i>	4.3	<i>Handwritten signature</i>	6.2	5.3	7.7	6.3	
31	2123260135	Phan Thị Phương	Thảo	09/10/2005	CCQ2326D							3.6	1.4	
32	2123030226	Nguyễn Trung	Thiện	11/02/2005	CCQ2303G	1337	<i>Handwritten signature</i>	6.0	<i>Handwritten signature</i>	4.2	5.1	8.1	6.3	
33	2122120225	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/06/2004	CCQ2212G	1336	<i>Handwritten signature</i>	5.1			00	4.6	1.8	
34	2123040024	Ngô Thái	Tổ	06/05/2005	CCQ2304A							0		
35	2123040032	Huỳnh Nguyễn Hữu	Trí	30/05/2005	CCQ2304A	1338	<i>Handwritten signature</i>	7.3	<i>Handwritten signature</i>	2.2	4.8	6.6	5.5	
36	2122260093	Hồ Thanh	Tuyền	25/06/2004	CCQ2226C	1337	<i>Handwritten signature</i>	3.5	<i>Handwritten signature</i>	5.8	4.7	7	5.6	
37	2123040067	Tô Ngọc	Vũ	18/08/2005	CCQ2304B							0		
38	2123300905	Nguyễn Ngọc Ánh	Vy	03/09/2005	CCQ2330A	1338	<i>Handwritten signature</i>	6.0	<i>Handwritten signature</i>	7.5	6.8	8.7	7.6	

22/08/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Đ. 19
H. 03

Cán bộ coi thi 1

Mùng
Vũ Thị Hương

Cán bộ coi thi 2

Phy
Lê Nguyễn
Thảo Ly

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Pho
Pho Thị Phai

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Pho
Phan T. Thu

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Pho
Phan T. Thu

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Pho
Phan T. Thu

C. Thu

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/8/2025 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2121270120	Nguyễn Tấn	Anh	28/04/2003	CCQ2127D	1337	<i>Anh</i>	7.3	<i>Anh</i>	7.3	7.3	8.3	7.7	
2	2123030047	Lê Văn	Bảo	07/08/2005	CCQ2303B	1338	<i>Bao</i>	4.7	<i>Bao</i>	3.5	4.1	7.2	5.3	
3	2123110460	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	20/05/2005	CCQ2311E	1339	<i>Bao</i>	4.4	<i>Bao</i>	4.4	4.4	4.6	4.5	
4	2122170291	Võ Quang	Bửu	12/08/2004	CCQ2217H							0		
5	2121170147	Phạm Tuấn	Đạt	01/11/2003	CCQ2117E	1337	<i>Pho</i>	3.8	<i>Pho</i>	2.7	3.3	8.1	5.2	
6	2123030039	Nguyễn Nhật	Đoàn	28/07/2004	CCQ2303B	1338	<i>Pho</i>	6.3	<i>Pho</i>	5.3	5.9	8.8	7.1	
7	2122130069	Bùi Thu	Hiền	08/06/2004	CCQ2213C							0		
8	2121180061	Lưu Hoài	Hiếu	20/09/2003	CCQ2118B	1336	<i>Pho</i>	5.0	<i>Pho</i>	6.0	5.5	7.7	6.4	
9	2122190111	Phạm Thiên	Hương	03/03/2004	CCQ2219D	1339	<i>Huong</i>	4.8	<i>Huong</i>	5.3	5.1	7.1	5.9	
10	2123030071	Nguyễn	Huy	02/01/2005	CCQ2303B	1338	<i>Huy</i>	6.1	<i>Huy</i>	4.5	5.3	7.5	6.2	
11	2122170725	Nguyễn Quốc	Huy	01/11/2003	CCQ2217R	1339	<i>Huy</i>	9.0	<i>Huy</i>	5.5	7.3	8.4	7.7	
12	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	1336	<i>Huy</i>	4.0			0.0	1.8	0.7	
13	2123270009	Trần Dương	Khang	16/09/2005	CCQ2327A	1337	<i>Khang</i>	7.5	<i>Khang</i>	0.5	4.0	8	5.6	
14	2123170595	Nguyễn Quốc	Khánh	03/05/2005	CCQ2317Q	1338	<i>Khánh</i>	4.1	<i>Khánh</i>	8.5	6.3	7.9	6.9	
15	2122050102	Nguyễn Tấn	Khôi	01/02/2004	CCQ2205C	1339	<i>Khoi</i>	5.2	<i>Khoi</i>	5.0	5.1	7.6	6.1	
16	2123170237	Hà Phước Hoàng	Long	21/10/2005	CCQ2317G	1336	<i>Long</i>	6.9	<i>Long</i>	7.1	7.0	8.1	7.4	
17	2121170123	Nguyễn Thế	Luân	05/11/2003	CCQ2117D	1338	<i>Luân</i>	3.7	<i>Luân</i>	4.6	4.2	7	5.3	

22/08/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Vũ Thị Hương

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thảo Lê

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Phạm Thị Thước

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Phạm Thị Thước

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Phạm Thị Thước

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Phạm Thị Thước

C. Thước

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/8/2025

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123270027	Vũ Thiên	Lực	30/03/2005	CCQ2327A	1338	<i>Ưc</i>	7.4	<i>Ưc</i>	3.7	5.6	7.3	6.3	
19	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	1337	<i>om</i>	6.6	<i>om</i>	5.8	6.2	8.4	7.1	
20	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	1336	<i>chinh</i>	6.2			0.0	7.8	3.1	
21	2123190025	Thiên Nữ	Minh	10/09/2005	CCQ2319A	1337	<i>Ưc</i>	4.5	<i>Ưc</i>	3.3	3.9	8.1	5.6	
22	2122120308	Cao Văn Hoài	Nam	12/11/2001	CCQ2212J							6.5		
23	2123110156	Dương Văn	Nam	05/04/2005	CCQ2311E	1339	<i>Ưc</i>	8.1	<i>Ưc</i>	7.4	7.8	7	7.5	
24	2123120510	Ngô Lê Bích	Ngọc	18/06/2005	CCQ2312B	1336	<i>Ngoc</i>	9.0	<i>Ngoc</i>	0.5	4.8	7.6	5.9	
25	2123310015	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	19/06/2005	CCQ2331A	1337	<i>Ngoc</i>	6.6	<i>Ngoc</i>	5.5	6.1	7.2	6.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

A: 19
H: 03

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 26/8/2025

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200644	Phan Nguyễn Quỳnh	Nhi	05/04/2005	CCQ2320G	1336	Phan Nhi	8.0	Phan Nhi	7.7	7.7	9.1	8.3	
2	2123040027	Nguyễn Tấn	Phát	06/11/2005	CCQ2304A							0.5		
3	2123270065	Nguyễn Tín	Phát	18/11/2005	CCQ2327B	1338	Nguyễn Tín	5.1	Nguyễn Tín	3.9	4.5	6.7	5.4	
4	2121030144	Phạm Thanh	Phi	03/06/2003	CCQ2103D							0		
5	2122030137	Phạm Lê	Quân	08/11/2004	CCQ2203D							0		
6	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	CCQ2206B	1337	Bùi Anh	3.8	Bùi Anh	0.5	2.2	6	3.7	
7	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1338	Nguyễn Anh	5.7	Nguyễn Anh	2.4	4.1	7.6	5.5	
8	2121110282	Võ Nhật	Quang	19/09/2003	CCQ2112R	1339	Võ Nhật	6.6	Võ Nhật	3.0	4.8	6	5.3	
9	2122170027	Phạm Minh	Quý	13/03/2004	CCQ2217A	1336	Phạm Minh	3.2				4.6		
10	2122170538	Nguyễn Ngọc	Thịnh	24/10/2004	CCQ2217N	1337	Nguyễn Ngọc	5.6	Nguyễn Ngọc	5.0	5.3	7.1	6.0	
11	2123070025	Nguyễn Anh	Thư	08/07/2005	CCQ2307A	1338	Nguyễn Anh	6.0	Nguyễn Anh	6.2	7.1	8.5	7.1	
12	2122170074	Nguyễn Quốc	Thuận	23/05/2004	CCQ2217B	1339	Nguyễn Quốc	3.3				3.3		
13	2123120294	Lê Mẫu	Thương	03/09/2005	CCQ2312F	1336	Lê Mẫu	6.7	Lê Mẫu	7.6	7.2	9	7.9	
14	2123100274	Triệu Thu	Thủy	28/07/2004	CCQ2310H	1337	Triệu Thu	5.9	Triệu Thu	5.2	5.6	6.5	6.0	
15	2122170781	Trần Anh	Tiến	05/10/2004	CCQ2217LC	1338	Trần Anh	3.9	Trần Anh	6.3	5.9	6		
16	2123170392	Trần Quốc	Tiến	30/05/2005	CCQ2317L	1339	Trần Quốc	5.4	Trần Quốc	6.3	5.9	7.3	6.5	
17	2123030046	Nguyễn Bảo	Toàn	27/08/2005	CCQ2303B	1336	Nguyễn Bảo	3.4	Nguyễn Bảo	3.0	3.2	6.7	4.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

T.N. Hoàng Nam

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Đẹp

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Phạm Thị Thu

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Phạm Thị Thu

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Thị Thu

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phạm Thị Thu

C. Thu

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 25/08/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: *22*

Số bài thi: *12*

Số tờ giấy thi: *22*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *26/8/2025*

Giờ thi: *9h45*

Phòng thi: *D5-26*

Số SV có mặt: *19*

Số bài thi: *.....*

Số tờ giấy thi: *.....*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122180092	Phan Thái	Tú	20/06/2004	CCQ2218C	1337	<i>[Signature]</i>	7.4	<i>[Signature]</i>	7.6	7.5	8.7	8.0	
19	2123170322	Lê Đình Quốc	Tuấn	26/08/2005	CCQ2317J	1338	<i>[Signature]</i>	4.4	<i>[Signature]</i>	2.2	3.3	4.6	3.8	
20	2122120088	Tổng Thị Như	Tuyền	27/02/2004	CCQ2212C	1339	<i>Tuyen</i>	4.7	<i>Tuyen</i>	4.1	4.4	7.9	5.8	
21	2122200078	Nguyễn Phúc Minh	Uyên	01/06/2004	CCQ2220C	1336	<i>[Signature]</i>	4.9	<i>[Signature]</i>	4.7	4.8	7.4	5.8	
22	2122100153	Phạm Thị Hồng	Vân	03/12/2003	CCQ2210E	1337	<i>[Signature]</i>	5.6	<i>[Signature]</i>	6.1	5.9	8.5	6.9	
23	2122110368	Dương Sĩ	Vinh	01/06/2004	CCQ2211J	1338	<i>Vinh</i>	4.0	<i>Vinh</i>	5.6	4.8	6.5	5.5	
24	2123040026	Nguyễn Khắc	Vũ	06/07/2005	CCQ2304A	1339	<i>[Signature]</i>	2.3	<i>[Signature]</i>	4.1	3.2	7.6	5.0	
25	2123070002	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	05/08/2005	CCQ2307A	1336	<i>[Signature]</i>	6.1	<i>[Signature]</i>	5.3	5.7	8.6	6.9	

12

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Môn học: Viết 2 (22431901)

Ngày thi: 26/08/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Đoàn Thị Mỹ Nhung
Phạm Văn Mạnh
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240050	Trần Ngọc Phương	Anh	17/05/2002	CCQ2124B	03		8,0	6,3	7,0	
2	2121110334	Trần Thanh	Bình	05/08/2003	CCQ2124F	03		7,7	7,8	7,8	
3	2121240049	Phan Thành	Công	23/09/2003	CCQ2124B	03		6,5	2,3	4,0	HL
4	2123240083	Nguyễn Văn	Cường	12/10/2005	CCQ2324C	03		7,0	7,0	7,0	
5	2120240096	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	17/09/2002	CCQ2024D	03		3,5	8,5	6,5	
6	2123240169	Trần Châu	Đoan	16/08/2005	CCQ2324F	03		7,5	6,9	7,1	
7	2123240131	Đặng Thị Thanh	Huệ	24/07/2005	CCQ2324E	03		8,1	6,5	7,1	
8	2123240140	Lê Gia	Huy	29/05/2005	CCQ2324E			0,0			
9	2123240070	Trần Đức	Khánh	14/05/2001	CCQ2324C	03		8,1	8,5	8,3	
10	2121240070	Nguyễn Đức	Lộc	02/10/2003	CCQ2124C	03		6,0	8,6	7,6	
11	2123240080	Phạm Đào Uyên	Minh	24/08/2005	CCQ2324C	03		7,0	3,6	5,0	
12	2123240075	Nguyễn Thanh	Ngân	15/03/2005	CCQ2324C	03		7,0	6,2	6,5	
13	2122240024	Nguyễn Tú	Như	20/01/2004	CCQ2224A	03		7,0	3,6	5,0	
14	2122240066	Vũ Thu	Phương	23/01/2003	CCQ2224C	03		7,5	5,6	6,4	
15	2121240176	Đoàn Xuân	Quý	16/06/1999	CCQ2124F	03		6,5	6,5	6,5	
16	2123240133	Nguyễn Như	Quỳnh	02/03/2005	CCQ2324E	03		8,3	6,1	7,0	
17	2123240187	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/2005	CCQ2324F	03		6,8	2,8	4,4	HL
18	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/06/2005	CCQ2324E	03		8,9	7,2	7,9	
19	2123240105	Lê Đình Thái	Tài	13/07/2003	CCQ2324D	03		7,6	4,9	6,0	
20	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	CCQ2324F	03		6,5	3,0	4,4	HL
21	2123240206	Thị	Thom	26/08/2002	CCQ2324F	03		8,4	7,7	8,0	
22	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan	Trâm	25/02/2005	CCQ2324C	03		7,5	3,0	4,8	
23	2122240012	Hồ Thị Quế	Trân	25/07/2002	CCQ2224A	03		8,0	6,2	6,9	
24	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	Trình	25/06/2005	CCQ2324C	03		6,8	1,5	3,6	HL
25	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	CCQ2224D	03		7,2	4,6	5,6	
26	2122240073	Lê Thị Ngọc	Tuyền	11/05/2003	CCQ2224C	03		8,1	4,1	5,7	
27	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	03		8,1	3,4	5,3	
28	2123240061	Võ Thị Lâm Thuý	Vân	03/07/2005	CCQ2324C	03		6,8	7,6	7,3	
29	2122240047	Nguyễn Thị	Vi	04/08/2003	CCQ2224B	03		6,5	4,5	5,3	
30	2122240065	H.	Yến	25/11/2003	CCQ2224C	03		7,5	6,7	7,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Cán bộ coi thi 2: *[Signature]* G.Viên chấm thi 1: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2: *[Signature]*

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 27/08/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

H: 14

Đ: 23

Số SV có mặt: 23

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

13
C.Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	5,3	4,0	4,5	
2	2122030086	Trần Phú An	25/02/2004	CCQ2203C		<i>[Signature]</i>	6,3	0,0	2,5	
3	2122120012	Lê Nhật Trúc Ân	20/10/2004	CCQ2212A			0,0			
4	2121210087	Y Tùng	16/01/2002	CCQ2121C		<i>Tùng</i>	5,0	5,6	5,4	
5	2122050151	Lê Quí Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		<i>Cầu</i>	6,9	4,0	5,2	
6	2123110225	Lê Thị Bích Châm	11/02/2005	CCQ2311G			0,0			
7	2122210160	Nguyễn Linh Đan	22/10/2004	CCQ2221A		<i>G-thi</i>	7,6	1,7	4,1	
8	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		<i>[Signature]</i>	7,0	3,0	4,6	
9	2122050040	Vũ Văn Hùng	23/09/2003	CCQ2205B			5,8			
10	2121050057	Hòa Ngọc Hải	22/02/2002	CCQ2105B			0,0			
11	2122050120	Phạm Thanh Hải	25/01/2004	CCQ2205A			2,6			
12	2122120458	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	17/05/2004	CCQ2212N		<i>[Signature]</i>	7,1	1,7	3,9	
13	2122110056	Lê Anh Hậu	23/07/2004	CCQ2222A		<i>[Signature]</i>	8,4	4,5	6,1	
14	2122140020	Trần Minh Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A			0,0			
15	2122030112	Lương Văn Hội	07/06/2004	CCQ2203D		<i>[Signature]</i>	6,8	4,0	5,1	
16	2122120300	Trần Thị Thu Huệ	12/08/2004	CCQ2212I			0,0			
17	2122120370	Trịnh Thị Hương	21/01/2004	CCQ2212K		<i>G-thi</i>	5,4	5,5	5,5	
18	2122170395	Nguyễn Tiến Hữu	25/12/2002	CCQ2217J		<i>G-thi</i>	7,3	4,0	5,3	
19	2122050054	Vũ Gia Huy	04/06/2004	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	0,0	0,0	0,0	
20	2121050062	Nguyễn Tự Lập	10/08/2003	CCQ2105B		<i>[Signature]</i>	6,1	4,6	5,2	
21	2122210005	Nguyễn Phi Long	11/01/2004	CCQ2221A		<i>[Signature]</i>	6,6	1,5	3,5	
22	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	4,7	4,6	4,6	
23	2122260061	Võ Trà My	26/10/2004	CCQ2226B			0,0			
24	2122120271	Đặng Thị My Na	03/08/2003	CCQ2212H		<i>Na</i>	7,2	7,5	7,4	
25	2122110280	Bùi Hữu Nghĩa	20/08/2003	CCQ2211G			0,0			
26	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		<i>[Signature]</i>	7,0	4,0	5,2	
27	2123100231	Trần Lâm Bảo Ngọc	20/06/2005	CCQ2310G		<i>[Signature]</i>	4,8	3,0	3,7	
28	2123170355	Quách Văn Nhân	23/09/2005	CCQ2317K		<i>Nhân</i>	6,3	4,0	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

13

C. Thảo

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 27/08/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 3

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	MA SV	Họ và Tên	Ngày sinh	MA lớp	Số tờ MA đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122120273	Nguyễn Vương Quỳnh Như	20/09/2004	CCQ2212I			9,9			
30	2122210048	Lê Ánh Phúc	18/08/2004	CCQ2221B		C. Thi	6,3	1,8	3,6	
31	2122050148	Nguyễn Minh Phức	14/07/2004	CCQ2205G			3,6			
32	2123110247	Nguyễn Minh Phức	14/10/2005	CCQ2311G			0,0			
33	2122060019	Thái Ngọc Vũ Phước	24/08/2004	CCQ2206A		2	4,8	3,0	3,7	
34	2122170515	Trương Hoài Phương	16/05/2004	CCQ2217M		Phường	8,4	7,3	7,7	
35	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B			0,0			
36	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		Quyền	6,3	3,5	4,6	
37	2122170799	Ngô Hồng Sơn	14/10/2004	CCQ2217LC			0,0			
38	2122120560	Phạm Ngọc Tài	24/04/2004	CCQ2212P			0,0			
39	2121140038	Nguyễn Ngọc Thắng	07/01/2001	CCQ2114A		Thắng	7,0	4,9	5,7	
40	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		Thiện	5,9	3,8	4,6	
41	2122030023	Phạm Quốc Thịnh	14/07/2004	CCQ2203G		Thịnh	7,6	6,4	6,9	
42	2122030115	Trần Huỳnh Trí Thức	23/09/2004	CCQ2203H		Thức	4,9	5,7	5,4	
43	2122120218	Nguyễn Phương Thùy	05/04/2004	CCQ2212G		Thùy	8,0	6,8	7,3	
44	2122120253	Nguyễn Thị Thanh Tiên	23/10/2004	CCQ2212H		Tiên	7,7	7,0	7,3	
45	2122180039	Trần Văn Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		Tiến	8,2	5,2	6,4	
46	2122150019	Nguyễn Minh Trí	01/11/2003	CCQ2215B			0,0			
47	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A		Trường	5,7	0,0	2,3	
48	2122030010	Nguyễn Xuân Trường	28/11/2004	CCQ2203G		Trường	7,7	5,2	6,2	
49	2122210140	Bùi Văn Ty	20/11/2004	CCQ2221F		Ty	7,0	4,0	5,2	
50	2122170719	Trần Đình Văn	12/07/2004	CCQ2217R		Văn	7,5	4,5	5,7	
51	2122170564	Hoàng Tuấn Việt	06/08/2004	CCQ2217N		Việt	7,4	4,1	5,4	
52	2122200158	Nguyễn Công Vinh	25/08/2004	CCQ2220E		Vinh	6,9	8,1	7,6	
53	2122180077	Thập Văn Anh Vũ	02/04/2004	CCQ2218C			0,0			
54	2122110410	Trương Đức Vũ	15/06/2004	CCQ2211K		Vũ	8,1	7,3	7,6	

(14)

T. Mạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Đ: 34
H: 02

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 27/08/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 36

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123170092	Nguyễn Lê Quốc An	26/11/2005	CCQ2317C		<i>AN</i>	6,0	5,0	5,4	
2	2123210196	Trần Thanh Ân	05/11/2002	CCQ2321A		<i>U'hi</i>	7,0	7,2	7,1	
3	2121170296	Đặng Lê Hoài Châu	05/11/2003	CCQ2117I		<i>châu</i>	5,5	0	2,2	
4	2123030079	Ngô Tiến Đạt	29/01/2004	CCQ2303C			0,0			
5	2122200151	Nguyễn Tấn Đạt	21/01/2004	CCQ2220E		<i>Đạt</i>	6,5	3,4	4,6	
6	2122170254	Trịnh Tiến Đạt	23/07/2003	CCQ2217G		<i>Đạt</i>	6,5	4,4	5,2	
7	2122270102	Vũ Bá Đạt	22/05/2003	CCQ2227D			0,0			
8	2122110150	Trần Tiến Đỗ	03/02/2004	CCQ2211D			0,0			
9	2123270031	Nguyễn Thị Lệ Duyên	10/11/2005	CCQ2327A		<i>Duyen</i>	6,0	5,2	5,5	
10	2123220069	Lữ Thu Hà	02/07/2005	CCQ2322B		<i>Thu</i>	8,8	7,1	7,8	
11	2123270020	Hà Thị Da Hân	09/10/2005	CCQ2327A		<i>Da</i>	7,0	5,2	5,9	
12	2123130069	Bùi Thu Hiền	08/06/2004	CCQ2213C			0,0			
13	2123150020	Đoàn Hoàng Hiệp	12/11/2005	CCQ2315A			0,0			
14	2122110370	Hồ Đức Hoàng	09/10/2004	CCQ2211J		<i>ĐH</i>	8,9	6,4	7,4	
15	2122040035	Lương Đại Hưng	03/03/2004	CCQ2204A		<i>Hưng</i>	6,5	5,6	6,0	
16	2123170075	Lê Hoàng Khải	20/01/2005	CCQ2317C		<i>Kh</i>	6,5	5,0	5,6	
17	2122110530	Nguyễn Gia Khiêm	19/06/2004	CCQ2211M		<i>Khiem</i>	7,6	8,5	8,1	
18	2123210142	Trần Thanh Khoa	19/11/2005	CCQ2321D		<i>Khoa</i>	7,7	8,0	7,9	
19	2123030174	Lê Tuấn Kiệt	19/01/2005	CCQ2303E		<i>Long Kiệt</i>	6,0	5,0	5,4	
20	2123270040	Phan Thị Ngọc Lan	06/05/2005	CCQ2327B		<i>Lan</i>	8,2	7,5	7,8	
21	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A		<i>Linh</i>	8,6	7,2	7,8	
22	2123210046	Nguyễn Văn Lộc	21/01/2005	CCQ2321B		<i>Lo'kho</i>	5,5	6,5	6,1	
23	2123210180	Tô Ngọc Lộc	07/03/2005	CCQ2321C		<i>Lộc</i>	5,5	6,6	6,2	
24	2123170307	Trần Đỗ Quý Lộc	28/02/2005	CCQ2317I			0,0			
25	2122110264	Trương Hữu Lợi	14/06/2004	CCQ2211G		<i>Loi</i>	5,5	4,7	5,0	
26	2123300017	Bùi Đức Long	14/08/2004	CCQ2330A		<i>Long</i>	8,9	8,5	8,7	
27	2123030181	Trịnh Xuân Long	02/10/2004	CCQ2303F		<i>Long</i>	7,0	7,0	7,0	
28	2123210031	Trần Công Minh	21/12/2005	CCQ2321A			5,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

(14)

T.Manh

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 27/08/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123110170	Nguyễn Đình Nam	24/05/2005	CCQ2311E		Nc	8,8	9,0	8,9	
30	2123110176	Trần Thị Mộng Ngân	20/06/2005	CCQ2311E		Nhan	10,0	8,0	8,8	
31	2121120242	Trần Thị Mỹ Nguyên	02/02/2003	CCQ2112G			0,0			
32	2123120662	Hồ Thị Thu Nguyệt	04/03/2005	CCQ2312K			0,0			
33	2122120052	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2004	CCQ2212B		Như	8,2	5,5	6,6	
34	2122180014	Trần Thanh Phong	17/03/2004	CCQ2218A		Phong	8,1	7,3	7,6	
35	2123120703	Ngô Thị Phương	30/05/2005	CCQ2312L			0,0			
36	2123100057	Lê Thị Diễm Quỳnh	10/11/2005	CCQ2310B		Quỳnh	7,7	3,9	5,4	
37	2123170074	Võ Thanh Sơn	31/07/2005	CCQ2317C		Son	6,0	4,8	5,3	
38	2123170303	Trần Thanh Tâm	25/05/2005	CCQ2317I			5,0			
39	2122170591	Ngưu Thanh Tân	14/02/2004	CCQ2217O			1,5			
40	2122110140	Huỳnh Thanh Thắng	27/09/2004	CCQ2211D		Thắng	5,0	5,0	5,0	
41	2123300014	Nguyễn Công Thắng	25/10/2005	CCQ2330A		Thắng	9,9	5,8	7,4	
42	2123110174	Ung Thị Thanh Thảo	06/11/2005	CCQ2311E		Thảo	9,9	9,3	9,5	
43	2123060175	Nguyễn Văn Thịnh	07/01/2005	CCQ2306A			4,0			
44	2123110167	Nguyễn Trúc Trường	23/08/2005	CCQ2311E		Trường	8,3	8,7	8,5	
45	2122180010	Hà Hữu Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		Truyền	6,1	5,6	5,8	
46	2123170322	Lê Đình Quốc Tuấn	26/08/2005	CCQ2317J		Tuấn	4,5	6,3	5,6	
47	2122200133	Dặng Phương Uyên	06/09/2004	CCQ2220D			1,5			
48	2122110359	Trần Minh Vũ	08/03/2004	CCQ2211J		Minh	10,0	8,9	9,3	
49	2123110158	Nguyễn Quỳnh Thảo Vy	20/11/2005	CCQ2311E		Vy	9,9	8,9	9,3	
50	2123100065	Chu Thị Yến	23/10/2005	CCQ2310B		Yến	8,1	5,1	6,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

A: 45
H: 05.

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 27/08/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 50...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi: 0...

Ng. H.T. Van

Le O Thảo

Le O Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D		AN	6,5	2,0	3,8	/
2	2123180069	Huỳnh Công Bảo	03/12/2005	CCQ2318B		Bảo	7,5	4,5	5,7	
3	2122110356	Trần Gia Bảo	03/12/2004	CCQ2211I		Ba	8,5	6,7	7,4	
4	2123180011	Trần Tấn Bảo	02/04/2005	CCQ2318A		Bao	7,0	3,5	5,0	
5	2123110115	Nguyễn Phước Gia Bìn	09/01/2005	CCQ2311D		Ba	8,2	6,2	7,0	
6	2123180035	Trần Tiến Bình	21/09/2005	CCQ2318A		Binh	8,0	7,2	7,5	
7	2123180003	Trương Văn Bon	23/07/2005	CCQ2318A		B	7,9	5,2	6,3	
8	2123180012	Nguyễn Đức Cảnh	11/07/2005	CCQ2318A		Can	7,8	5,5	6,4	
9	2122170580	Trương Công Danh	17/04/2004	CCQ2217O			0,0			
10	2123180124	Lê Quang Duy	15/12/2005	CCQ2318A		Duy	7,0	4,5	5,5	
11	2123260097	Đỗ Thị Thùy Duyên	16/10/2005	CCQ2326C		Duyen	8,7	5,8	7,0	
12	2122170288	Tổng Trường Hải	13/09/2004	CCQ2217H		Hai	8,4	5,5	6,7	
13	2122170137	Nguyễn Thế Hiệp	17/06/2004	CCQ2217D		Thye	9,1	7,4	8,1	
14	2122110522	Lê Văn Hiếu	15/04/2004	CCQ2211M		co hui	8,3	4,5	6,0	
15	2123030119	Mai Trần Duy Hiệu	26/05/2005	CCQ2303D		Hieu	7,0	4,5	5,5	
16	2123030132	Lê Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D		hoang	7,7	4,7	5,9	
17	2122170236	Nguyễn Quốc Huân	26/09/2004	CCQ2217F		Huan	6,6	0,9	3,2	/
18	2122150060	Nguyễn Quang Huy	07/10/2004	CCQ2215C		Huy	8,4	5,7	6,8	
19	2122110354	Nguyễn Quốc Khang	25/06/2004	CCQ2211I		khany	8,0	6,6	7,2	
20	2123220049	Trần Minh Khôi	10/12/2005	CCQ2322B		Minh	8,6	4,8	6,3	
21	2122170590	Nguyễn Văn Lợi	20/01/2004	CCQ2217O		Loi	7,3	5,1	6,0	
22	2123190088	Nguyễn Thị Xuân Mai	06/10/2005	CCQ2319C		Mai	8,9	7,2	7,9	
23	2122170639	Lê Thanh Nam	17/07/2003	CCQ2217P		Ng	8,0	4,1	5,7	
24	2123050069	Bùi Đại Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B			0,0			
25	2122200172	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	30/12/2004	CCQ2220E		co hui	9,4	4,3	6,3	
26	2123040043	Nguyễn Văn Nghĩa	10/10/2005	CCQ2304B			7,5	6,5	6,9	
27	2122100084	Nguyễn Thảo Nguyên	29/06/2004	CCQ2210C			0,0			
28	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu Nhân	17/11/2004	CCQ2205A			7,5	6,6	7,0	

15

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2024-2025)

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 27/08/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 50

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

C. Lê Thảo

Ng. H. T. Văn

Loi Thảo

Ng. H. T. Văn

Loi Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123110132	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	21/02/2004	CCQ2311D	Yến	6,2	2,5	2,5	-
30	2123120583	Trần Lê Quỳnh	Như	25/10/2005	CCQ2312J	Quỳnh	9,0	3,2	5,5	-
31	2122200141	Lê Thị Hồng	Nhung	29/06/2004	CCQ2220E	Hồng	9,4	5,7	7,2	-
32	2122170334	Chu Minh	Phong	05/10/2004	CCQ2217I	Minh	7,4	6,3	6,7	-
33	2123030124	Phạm Ngọc	Phong	13/10/2005	CCQ2303D	Phạm	7,9	4,5	5,9	-
34	2123110344	Trần Hoàng	Phúc	27/09/2003	CCQ2311J	Trần	0,0			-
35	2123030113	Trần Lê Trọng	Phúc	27/04/2005	CCQ2303D	Trần	0,0			-
36	2123260125	Trần Thông	Siêu	04/04/2005	CCQ2326D	Siêu	7,7	5,4	6,3	-
37	2122170152	Đinh Thế	Son	09/11/2004	CCQ2217D	Son	9,2	8,0	8,5	-
38	2123030136	Nguyễn Văn Hồng	Son	14/09/2005	CCQ2303D	Hồng	7,2	4,5	5,6	-
39	2123170656	Chau Na	Sone	27/10/2005	CCQ2317B	Na	8,3	6,5	7,2	-
40	2123180002	Lê Chí	Tâm	01/09/2004	CCQ2318A	Chí	8,5	5,4	6,6	-
41	2123110485	Nguyễn Văn	Thắng	13/02/2005	CCQ2311M	Thắng	9,3	6,4	7,6	-
42	2122170402	Trần Đức	Thành	02/04/2004	CCQ2217J	Đức	8,6	5,3	6,6	-
43	2122040008	Nguyễn Khương	Thiên	09/02/2004	CCQ2204A	Khương	8,0	5,5	6,5	-
44	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2004	CCQ2211I	Bá	7,7	4,4	5,7	-
45	2123120028	Nguyễn Minh	Thuận	01/10/2003	CCQ2312A	Minh	0,0			-
46	2122170322	Lê Thành	Tiến	23/01/2004	CCQ2217H	Thành	9,4	5,2	6,9	-
47	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	Duy	7,0	3,0	4,6	-
48	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	Minh	8,3	9,1	8,8	-
49	2123200221	Trần Thị Thu	Trang	02/04/2004	CCQ2320C	Thu	8,1	6,6	7,2	-
50	2123030030	Ngô Ngọc	Tuấn	11/09/2005	CCQ2303A	Ngô	7,0	6,4	6,6	-
51	2123110162	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	04/11/2005	CCQ2311E	Anh	9,2	7,1	7,9	-
52	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	Văn	6,7	4,1	5,1	-
53	2123180038	Phạm Quang	VI	24/03/2005	CCQ2318B	Quang	8,7	7,7	8,1	-
54	2123180092	Phạm Trung	VI	09/04/2004	CCQ2318C	Trung	6,9	2	2,8	-
55	2122170287	Nguyễn Ngọc	Vinh	28/05/2004	CCQ2217H	Ngọc	7,9	5,6	6,5	-
56	2123200324	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	25/11/2005	CCQ2320D	Thúy	7,7	3,5	5,2	-